

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO DIỄN CHÂU
TRƯỜNG MẦM NON THỊ TRẦN

THÔNG BÁO

Công khai tài chính của trường MN Thị Trần năm học 2024-2025

TT	Nội Dung	ĐVT	Tổng số tiền thu trong năm	Tổng số tiền chi trong năm	Tồn cuối kỳ	Ghi chú
A	Các khoản thu theo quy định năm học 2024-2025		552.126.791	494.294.494	57.832.297	
I	Thu -chi học phí	Đồng	552.126.791			
1	Phần thu học phí	Đồng	552.126.791			
	. Tồn tiền mặt đến 30/6/2024	Đồng				
	.Tồn tiền gửi KB đến 30/6/2024	Đồng	41.646.791			
	. Thu học phí từ tháng 09/2024-31/05/2025	Đồng	510.480.000			
	.Trong đó gửi KB từ tháng 9 đến 30/06/2025	Đồng	552.126.791			
2	Phần chi học phí	Đồng		494.294.494		
6000	Tiền lương	Đồng		175.292.000		
6050	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	Đồng		43.500.000		
6500	Thanh toán dịch vụ công cộng	Đồng		-		
6550	Vật tư văn phòng	Đồng		7.130.800		
6600	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	Đồng		-		
6650	Hội nghị	Đồng		5.000.000		
6750	Chi phí thuê mướn			49.500.000		
6900	Sửa chữa duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	Đồng		59.481.654		
6950	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	Đồng		-		
7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	Đồng		85.971.791		
7750	Chi khác	Đồng		16.260.000		
7950	Chi lập các quỹ của đơn vị thực hiện khẩn chi và đơn vị sự nghiệp có thu theo chế độ quy định	Đồng		52.158.249		
3	Tồn quỹ học phí đến 30/06/2024	Đồng			57.832.297	
	.Tồn tiền mặt	Đồng			-	
	.Tồn tiền gửi kho bạc	Đồng			57.832.297	
II.1	Thu - chi tiền ngân sách năm 2024	Đồng	4.363.204.000	4.363.204.000	-	
1	Phần thu ngân sách 2024	Đồng	4.363.204.000			
	Năm 2024 ngân sách UBND huyện cấp	Đồng	4.363.204.000			
2	Phần chi ngân sách năm 2024	Đồng		4.363.204.000		
	Tiền lương	Đồng		1.954.383.700		
	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng			38.000.000		
	Phụ cấp lương	Đồng		1.155.707.100		
	Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, các bộ đi học	Đồng		7.870.000		
	Tiền thưởng	Đồng		150.398.000		

TT	Nội Dung	ĐVT	Tổng số tiền thu trong năm	Tổng số tiền chi trong năm	Tồn cuối kỳ	Ghi chú
	Các khoản đóng góp	Đồng		601.951.400		
	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	Đồng		14.400.000		
	Thanh toán dịch vụ công cộng	Đồng		40.578.311		
	Vật tư văn phòng	Đồng		7.803.200		
	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	Đồng		12.643.998		
	Công tác phí	Đồng		6.000.000		
	Sửa chữa duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	Đồng		55.703.189		
	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	Đồng		22.130.000		
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành			78.256.680		
	Chi khác	Đồng		212.286.671		
	Chỉ lập các quỹ của đơn vị thực hiện khoán chi và đơn vị sự nghiệp có thu theo chế độ quy định	Đồng		5.091.751		
3	Tồn tiền quỹ ngân sách 2024	Đồng			-	
II.2	Thu - chi tiền ngân sách năm 2025	Đồng	5.385.302.000	2.536.675.150	2.848.626.850	
1	Phần thu ngân sách 2025	Đồng	5.385.302.000			
	Năm 2025 ngân sách UBND huyện cấp	Đồng	5.385.302.000			
2	Phần chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2025	Đồng		2.536.675.150		
	Tiền lương	Đồng		1.154.546.800		
	Phụ cấp lương	Đồng		697.842.200		
	Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, các bộ đi học	Đồng		2.250.000		
	Tiền thưởng	Đồng		47.252.000		
	Các khoản đóng góp	Đồng		336.564.700		
	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	Đồng		7.200.000		
	Thanh toán dịch vụ công cộng	Đồng		19.232.530		
	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	Đồng		7.010.000		
	Công tác phí	Đồng		3.000.000		
	Sửa chữa duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	Đồng		74.405.400		
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành			44.370.000		
	Chi khác	Đồng		143.001.520		
3	Tồn tiền quỹ ngân sách 2024	Đồng			2.848.626.850	
B	Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường					
I	Tiền dịch vụ	Đồng			-	
	Thu tiền chi phí bán trú năm học 2024-2025	Đồng	305.561.500	305.561.500	-	
	Chi tiền lương người nấu ăn tháng 9-12	Đồng	135.274.000			
	Trả tiền người nấu ăn T9-T12	Đồng		108.000.000		
	Nước uống tăng thêm T9-12			12.842.000		
	Đồ dùng vệ sinh T9-12			14.432.000		
	Chi tiền lương người nấu ăn tháng 01	Đồng	33.699.000			
	Trả tiền người nấu ăn T1			27.000.000		
	Chi tiền lương người nấu ăn tháng 02	Đồng	34.177.000			

TT	Nội Dung	ĐVT	Tổng số tiền thu trong năm	Tổng số tiền chi trong năm	Tồn cuối kỳ	Ghi chú
	Trả tiền người nấu ăn T2			27.000.000		
	Chi tiền lương người nấu ăn tháng 03	Đồng	34.057.500			
	Trả tiền người nấu ăn T3			27.000.000		
	Chi tiền lương người nấu ăn tháng 04	Đồng	34.296.500			
	Trả tiền người nấu ăn T4			27.000.000		
	Chi tiền lương người nấu ăn tháng 05	Đồng	34.057.500			
	Trả tiền người nấu ăn T5			27.000.000		
	Trả tiền người nấu ăn T5	Đồng		2.700.000		
	Nước uống tăng thêm T1-5	Đồng		14.547.500		
	Đồ dùng vệ sinh T1-5	Đồng		18.040.000		
	Tồn quỹ tiền người nấu ăn	Đồng			-	
II	Tiền ăn bán trú của trẻ năm học 2024-2025	Đồng				
	Thu tiền ăn bán trú của trẻ năm học 2024-2025	Đồng	787.558.000	787.558.000	-	
	Thu tiền ăn bán trú của trẻ tháng 9	Đồng	85.576.000	71.299.700		
	Thu tiền ăn bán trú của trẻ tháng 10	Đồng	104.739.000	106.853.800		
	Thu tiền ăn bán trú của trẻ tháng 11	Đồng	95.840.000	96.226.000		
	Thu tiền ăn bán trú của trẻ tháng 12	Đồng	101.543.000	86.223.300		
	Thu tiền ăn bán trú của trẻ tháng 01	Đồng	79.020.000	46.957.500		
	Thu tiền ăn bán trú của trẻ tháng 02	Đồng	79.980.000	123.566.300		
	Thu tiền ăn bán trú của trẻ tháng 3	Đồng	90.020.000	93.469.300		
	Thu tiền ăn bán trú của trẻ tháng 4	Đồng	95.580.000	90.929.200		
	Thu tiền ăn bán trú của trẻ tháng 5	Đồng	55.260.000	72.032.900		
	cá nhân cho học sinh bán trú năm học 2024-2025	Đồng	10.243.400	9.905.000		
	Tồn năm trước chuyển sang	Đồng	338.400			
	Thu năm học 2024-2025	Đồng	9.905.000			
	Tem lưu mẫu thực phẩm	Đồng		1.400.000		
	Mua thìa, đũa, kéo, chổi ...	Đồng		8.505.000		
	Tồn quỹ tiền mua sắm vật dùng chung và đồ dùng cá nhân cho học sinh bán trú năm học 2024-2025				338.400	
IV	CHƯƠNG TRÌNH HOẠT ĐỘNG, GIÁO DỤC TĂNG CƯỜNG					
1	Thu để thực cho trẻ làm quen chương trình tiếng Anh		57.448.260			
	Chi để thực cho trẻ làm quen chương trình tiếng Anh			54.929.947		
	Chi giáo viên dạy TA + tài liệu			44.856.695		
	Chi cho giáo viên			5.036.626		
	Chi cho quản lý, phục vụ			5.036.626		
	Tồn				2.518.313	
2	Phát triển năng khiếu múa					
	Chi để thực cho trẻ làm quen chương trình tiếng Anh		55.936.000	53.139.200		
	Chi giáo viên dạy múa			41.952.000		
	Chi cho giáo viên			5.593.600		

TT	Nội Dung	ĐVT	Tổng số tiền thu trong năm	Tổng số tiền chi trong năm	Tồn cuối kỳ	Ghi chú
	Chi cho quản lý, phục vụ			5.593.600		
	Tồn tiền gửi tại ngân hàng				2.796.800	
C	Các khoản tự nguyện năm học 2024-2025	Đồng				
1	Tiền vận động tài trợ	Đồng	100.135.000	99.800.000	335.000	
	Tồn năm trước chuyển sang		1.700.000			
	Tổng thu tiền vận động tài trợ năm học 2024-2025	Đồng	98.435.000			
	Tổng chi tiền vận động tài trợ năm học 2024-2025	Đồng		99.800.000		
	Thanh toán tiền mua bộ vận động thể chất đa năng xà đu cho trẻ hoạt động	Đồng		99.800.000		
	Tồn quỹ tiền gửi kho bạc đến tháng 31/05/2025	Đồng			335.000	
2	Tiền quỹ hội cha mẹ học sinh	Đồng	28.100.000	28.100.000	-	
	Tổng quỹ hội CMHS năm học 2024-2025	Đồng	28.100.000			
-	Tiền chè nước, bánh kẹo họp PH			2.816.000		
-	Thăm cháu bị tai nạn			300.000		
-	Màu, sáp, bút chì phối hợp với nhà trường tổ chức lễ hội sắc màu			3.450.000		
-	Quà cho các cháu có hoàn cảnh khó khăn			2.000.000		
-	Quà cho trẻ hội CMHS phối hợp với nhà trường tổ chức lễ hội			3.848.400		
-	Quà cho trẻ hội CMHS phối hợp với nhà trường tổ chức lễ hội			3.900.000		
-	Chè nước, bánh kẹo họp ph 2 lần			5.720.000		
-	Quà cho trẻ hội thi ATGT và tổng kết cuối năm			6.065.600		
	Tồn quỹ hội CMHS				-	

KẾ TOÁN



Nguyễn Thị Hoa

